

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 294/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thủy

Ông Nguyễn Phú Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Trọng Tín –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 171/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số H, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số H, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G do gia đình mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 15/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống; từ khoảng tháng 6/2016 ông G đã có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, người phụ nữ đó có đến tận nhà để tìm ông G, bà đã nhiều lần tha thứ việc ông G có mối qua hệ bên ngoài để tiếp tục chung sống vì con nhưng đến nay bà không thể nào chấp nhận được việc đó nữa cũng như trong suốt thời gian chung sống hầu như

thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông G.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Lê Thanh N, sinh ngày 15/12/1999, Lê Thị Huỳnh D, sinh ngày 15/02/2002 và Lê Thị Huỳnh D1, sinh ngày 19/02/2012. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Lê Thị Huỳnh D1 và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con con chung. Đối với các con chung tên Lê Thanh N và Lê Thị Huỳnh D hiện đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lê Văn G không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T khởi kiện ông Lê Văn G cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 12/3/2025, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị T. Ông Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Lê Văn G vẫn vắng mặt. Căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa bà với ông G không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông, bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Lê Văn G không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Lê Văn G.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Lê Thanh N; Lê Thị Huỳnh D và Lê Thị Huỳnh D1 cũng như lời trình bày của bà Huỳnh Thị T và nội dung biên bản xác minh tại Văn phòng ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thì giữa bà T và ông Lê Văn G có với nhau 03 con chung gồm Lê Thanh N; Lê Thị Huỳnh D đã thành niên và Lê Thị Huỳnh D1 chưa thành niên hiện nay đang do bà Huỳnh Thị T đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện các con chung Lê Thanh N, sinh ngày 15/12/1999, Lê Thị Huỳnh D, sinh ngày 15/02/2002 đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với con chung chưa thành niên Lê Thị Huỳnh D1, sinh ngày 19/02/2012 đang được bà Huỳnh Thị T giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt nên việc bà Huỳnh Thị T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Huỳnh D1, sinh ngày 19/02/2012 cho bà Huỳnh Thị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Văn G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong gia đình của bà Huỳnh Thị T không được cản trở ông Lê Văn G thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Huỳnh Thị T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T trình bày giữa bà và ông Lê Văn G về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Lê Văn G để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 15/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con: Giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G có 03 (ba) con chung là Lê Thanh N, sinh ngày 15/12/1999, Lê Thị Huỳnh D, sinh ngày 15/02/2002 và Lê Thị Huỳnh D1, sinh ngày 19/02/2012.

2.1. Con chung tên Lê Thanh N, sinh ngày 15/12/1999, Lê Thị Huỳnh D, sinh ngày 15/02/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.2. Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Huỳnh D1, sinh ngày 19/02/2012 cho bà Huỳnh Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong gia đình của bà Huỳnh Thị T không được cản trở bà Huỳnh Thị T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Bà Huỳnh Thị T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số **0009384** ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn G vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Mai